

Số: 15 /2019/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 7 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**  
**KHÓA X KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa*

thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

c) Các đối tượng được ngân sách tỉnh hỗ trợ là những đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

### **Điều 2. Mức đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ**

#### 1. Mức đóng góp

- Chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, các dịch vụ kỹ thuật y tế theo chỉ định của Bác sỹ kê cả xét nghiệm HIV/AIDS: 200.000 đồng/lần.

- Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và các bệnh thông thường: 300.000 đồng/năm.

- Tiền ăn: 50.000 đồng/ngày (tương đương với 1,0 lần mức lương cơ sở/ngày).

+ Tiền ăn trong các ngày Lễ, Tết Dương lịch: 100.000 đồng/ngày (bằng 02 lần tiêu chuẩn ngày ăn bình thường)

+ Tiền ăn trong các ngày Tết Nguyên đán: 150.000 đồng/ngày (bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày ăn bình thường)

- Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: 1.490.000 đồng/năm/lần (tương đương với 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng).

- Tiền sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí: 250.000 đồng/năm/lần.

- Chi phí học văn hóa, học nghề, rèn luyện kỹ năng, giáo dục điều chỉnh hành vi nhân cách: 2.500.000 đồng/năm.

- Chi phí điện, nước sinh hoạt, chất đốt, vệ sinh môi trường: 161.000 đồng/người/tháng.

- Chi phí quản lý, phục vụ, bảo vệ: 4.917.000 đồng/người/năm (tương đương với 3.3 lần mức lương cơ sở).

- Đóng góp sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất, khấu hao, hao mòn tài sản: 2.925.000 đồng/người/năm/lần.

Tổng các mức đóng góp chi phí cai nghiện của 01 người, trong 01 năm là **34.364.000 đồng** (tính theo lương cơ sở 1.490.000 đồng) và thay đổi, điều chỉnh đối với các khoản tính theo lương cơ sở khi mức lương cơ sở có sự điều chỉnh.

## 2. Mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ

a) Ngân sách Nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện.

b) Chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS); Chi điều trị nhiễm trùng cơ hội, thuốc chữa bệnh thông thường và các chi phí khác phải đóng góp theo quy định:

- Nâng mức hỗ trợ cho các đối tượng hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 48a Nghị định số 135/2004/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP: Ngoài quy định hỗ trợ 95%, ngân sách tỉnh hỗ trợ 5% còn lại và thực hiện hỗ trợ 100% các chi phí phải đóng góp theo quy định.

- Mở rộng đối tượng và mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh từ ngân sách tỉnh:

+ Người thuộc hộ gia đình chính sách theo pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Người thuộc diện hộ cận nghèo; Người bị nhiễm HIV/AIDS; Trẻ em dưới 16 tuổi: Thực hiện hỗ trợ 100% các khoản chi phí theo quy định.

+ Các đối tượng nghiện ma túy thuộc hộ có thu nhập trung bình, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện: Mức hỗ trợ 50% các chi phí theo quy định (không bao gồm các khoản chi phí đóng góp sửa chữa cơ sở vật chất nhỏ khác).

c) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân từ ngân sách tỉnh:

- Các đối tượng chính sách và người thuộc hộ gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em dưới 16 tuổi; Người bị nhiễm HIV/AIDS; người khuyết tật nặng và ~~đặc~~ biệt nặng, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% trong thời gian tham gia cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Các đối tượng nghiện ma túy thuộc hộ có thu nhập trung bình, có hộ khẩu thường trú tại địa phương tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện: Hỗ trợ 70% trong thời gian tham gia cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

d) Hỗ trợ 100% chỗ ở cho tất cả các đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2019./.

*Nơi nhận:*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ LĐTBXH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Thanh**